TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1216/2026/DS-PT
Ngày: 04 - 9 - 2026
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Vĩnh Khương

Bà Đào Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thảo Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 9 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1407/2026/TLPT-DS ngày 22 tháng 7 năm 2026 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng* ". Do bản án Dân sự sơ thẩm số 316/2026/DSST ngày 14/5/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ có kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1497/2026/QĐ-PT ngày 24 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Công ty T (Việt Nam).** (Viết tắt công ty T)

Người đại diện pháp luật: Ông **Lee Yun H-** Chức vụ: Tổng Giám đốc**;** Địa chỉ: Số I đường P, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Công ty L; địa chỉ trụ sở: B L, Phường V, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh (Nay là: Phường X, thành phố Hồ Chí Minh).

Người được ủy quyền lại (giấy ủy quyền số 248/GUQ-2025)*: Ông Trần Hải N*, sinh năm 2002; địa chỉ liên hệ: B L, Phường V, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh (Nay là: Phường X, thành phố Hồ Chí Minh*). (có đơn xin xét xử vắng mặt)*

- *Bị đơn*: Ông **Đặng Văn D**, sinh năm 1979. *(vắng mặt)*

Địa chỉ thường trú: ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ (Nay là: ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết đại diện của nguyên đơn – ông Nguyễn Hải N1 trình bày: Ngày 08/03/2024, Công ty T (Việt Nam) ký Hợp đồng tín dụng số 5357274 (sau đây gọi tắt là "Hợp đồng tín dụng") về việc cấp tín dụng cho ông Đặng Văn D với khoản vay trị giá 20.463.000 đồng trong đó bao gồm: 19.000.000 đồng tiền vay và 1.463.000 đồng tiền bảo hiểm khoản vay. Mục đích vay để tiêu dùng cá nhân; hình thức vay tín chấp và không có tài sản bảo đảm. Lãi suất vay: 43%/năm. Thời hạn vay là 36 tháng tính từ ngày 10/04/2024 đến ngày 10/03/2027. Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 5357274 giữa Công ty T và ông Đặng Văn D là hợp đồng được giao kết thông qua hình thức ký kết hợp đồng điện tử. Hợp đồng điện tử này được các bên giao kết thông qua việc ông Đặng Văn D đồng ý các điều khoản quy định trên hợp đồng và xác nhận ký hợp đồng bằng cách nhập mã OTP được gửi từ hệ thống qua SMS hoặc email. Sau khi kiểm tra OTP hợp lệ, Công ty TNHH H2 (là đơn vị đã đăng ký Hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử theo quy định pháp luật Việt Nam) sẽ khởi tạo chữ ký số, thực hiện ký hợp đồng điện tử và lưu trữ hợp đồng điện tử, thông tin khoản vay. Khi đó, phía Công ty TNHH H2 cũng sẽ tự động khởi tạo chữ ký số và thực hiện ký hợp đồng điện tử cho Công ty T.

Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng, ngày 08/03/2024, Công ty T đã tiến hành giải ngân toàn bộ số tiền vay cho ông Đặng Văn D theo đúng quy định trong hợp đồng tín dụng, số tiền giải ngân được Công ty T chuyển khoản vào tài khoản do ông Đặng Văn D cung cấp tại Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 5357274, cụ thể như sau: Tên tài khoản: DANG VAN DIEN; Số tài khoản: 1807205032451 tại ngân hàng: Ngân hàng N2 (A); Số tiền giải ngân: 19.000.000 đồng. Nội dung: MRAR ASSET CHUYEN TIEN GN DANG VAN DIEN HD 5357274. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đặng Văn D đã thanh toán được 13 kỳ với tổng số tiền: 9.751.453 đồng (Chín triệu, bảy trăm năm mươi mốt nghìn, bốn trăm năm mươi ba đồng). Trong đó bao gồm: 0 đồng tiền gốc; 9.595.453 đồng tiền lãi; 6.981.453 đồng tiền phí thu hộ (Lịch sử thanh toán cụ thể được thể hiện tại "Báo cáo lịch sử thanh toán hợp đồng tín dụng" đính kèm theo đơn khởi kiện này).

Tuy nhiên, ngày 11/04/2025, ông Đặng Văn D đã không thanh toán đầy đủ theo nghĩa vụ hợp đồng đối với khoản vay mà phía Công ty T đã giải ngân, không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình, để khoản vay quá hạn. Công ty

T đã tiến hành liên hệ qua điện thoại đề nghị ông Đặng Văn D thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình theo hợp đồng, nhưng ông Đặng Văn D vẫn không có bất kỳ hành động thực tế nào thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng cho phía Công ty T. Căn cứ theo Khoản 1 Điều 21 Thông tư 39/2016/TT-NHNN quy định về chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn như sau: "Tổ chức tín dụng có quyền chấm đứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn theo nội dung đã thỏa thuận khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm quy định trong thoa thuận cho vay và/hoặc hợp đồng bảo đảm tiền vay."

Căn cứ theo Điểm a, điểm f khoản 11.2 Điều 11 Bản điều khoản và điều kiện cho vay của Công ty T (Việt Nam) quy định:

"MAFC sẽ có quyền đơn phương chấm dứt cho vay đối với Khách H1, đồng thời MAFC cũng có quyền thu hồi toàn bộ khoản nợ trước hạn từ K, khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a. Khách hàng vi phạm Hợp Đồng Tín Dụng và BĐK&ĐK này; …

f. MAFC không thể liên lạc được với Khách Hàng từ 01 tháng trở lên, vì Khách Hàng không thông báo cho MAFC khi thay đổi địa chỉ liên lạc, thay đổi số điện thoại, thay đổi địa chỉ thư điện tử tại Hợp đồng tín dụng".

Như vậy, việc ông Đặng Văn D không thanh toán đúng hạn theo quy định của Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết, đã vi phạm nghĩa vụ đối với Công ty T, đồng thời Công ty có quyền đơn phương chấm dứt cho vay và thu hồi toàn bộ khoản nợ trước hạn với ông Đặng Văn D.

Nay thấy quyền lợi bị ảnh hưởng nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau: Buộc ông Đặng Văn D phải thanh toán toàn bộ khoản vay tính đến ngày 04/11/2025 cho Công ty T (Việt Nam) với tổng số tiền: 24.996.103 đồng (Hai mươi bốn triệu, chín trăm chín mươi sáu nghìn, một trăm lẻ ba đồng). Đồng thời, ông Đặng Văn D phải thanh toán lãi phát sinh từ ngày 05/11/2025 đến khi hoàn tất việc thanh toán khoản vay nói trên.

Do phía bị đơn vắng mặt, nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án sơ thẩm đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án số 316/2026/DSST ngày 14/5/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3- Cần Thơ đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T (Việt Nam).

Buộc ông Đặng Văn D có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Công ty T (Việt Nam) số tiền tổng cộng 29.261.236 đồng (Hai mươi chín triệu, hai trăm sáu mươi mốt nghìn, hai trăm ba mươi sáu đồng). Trong đó, tiền gốc 20.463.000 đồng (Hai mươi triệu, bốn trăm sáu mươi ba nghìn đồng), lãi trong hạn 8.798.263 đồng (Tám triệu, bảy trăm chín mươi tám nghìn, hai trăm sáu mươi ba đồng) tạm tính đến ngày 14/04/2026.

Công ty T (Việt Nam) có quyền tính lãi tiếp tục theo đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 5357274 ngày 07/03/2024 giữa nguyên đơn, bị đơn đã ký từ ngày 15/04/2026 cho đến khi phía ông Đặng Văn D thanh toán xong nợ.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty T (Việt Nam) về việc yêu cầu ông Đặng Văn D thanh toán tiền lãi chậm trả tính trên lãi quá hạn chưa thanh toán tạm tính đến ngày 14/04/2026 với số tiền 410.418 đồng (Bốn trăm mười nghìn, bốn trăm mười tám đồng)

2. Về án phí sơ thẩm: Bị đơn ông Đặng Văn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 1.463.000 đồng (Một triệu, bốn trăm sáu mươi ba nghìn đồng). Nguyên đơn phải chịu án phí không có giá ngạch với số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). khấu trừ tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp 625.000 đồng (Sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) thì nguyên đơn được nhận lại 325.000 đồng (Ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001682 ngày 20/02/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ đã tuyên xử. Nguyên đã kháng cáo bản án trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm; đại diện ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

Vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Quá trình thụ lý và giải quyết, thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Nguyên đơn có cho bị đơn ông Đặng Văn D vay số tiền 20.463.000 đông, trong đó bao gồm: 19.000.000 đồng tiền vay và 1.463.000 đồng tiền bảo hiểm khoản vay, theo Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký ngày 07/3/2024. Do ông D vi phạm nghĩa vụ trả tiền vay nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông D trả số tiền gốc và lại tổng cộng 29.261.236 đồng,

trong đó, tiền gốc 20.463.000 đồng, lãi trong hạn 8.798.263 đồng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

Về phần lãi suất chậm trả với số tiền 410.418 đồng; theo hồ sơ thể hiện khoản lãi này là lãi chậm trả lãi. Tại điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định: "Trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi trên nợ gốc theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất giới hạn mà pháp luật quy định tương ứng với thời gian chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn". Do ông D vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi trên nợ gốc, nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm trả lãi là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn là không đúng quy định.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét quyết định căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn;

Sửa bản án sơ thẩm theo hướng: buộc bị đơn trả khoản lãi chậm trả trên nợ gốc như đã phân tích nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng dân sự: Xét mối quan hệ pháp luật thì đây là vụ kiện:"*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền. Kháng cáo của nguyên đơn trong hạn luật định nên được xem xét. Việc ủy quyền của các đương sự là đúng quy định pháp luật.

[2] Xét về nội dung Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ngày 08/03/2024, Công ty T (Việt Nam) ký Hợp đồng tín dụng số 5357274 (sau đây gọi tắt là "Hợp đồng tín dụng") về việc cấp tín dụng cho ông Đặng Văn D với khoản vay trị giá 20.463.000 đồng trong đó bao gồm: 19.000.000 đồng tiền vay và 1.463.000 đồng tiền bảo hiểm khoản vay. Mục đích vay để tiêu dùng cá nhân; hình thức vay tín chấp và không có tài sản bảo đảm. Lãi suất vay: 43%/năm. Thời hạn vay là 36 tháng tính từ ngày 10/04/2024 đến ngày 10/03/2027. Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 5357274 giữa Công ty T và ông Đặng Văn D là hợp đồng được giao kết thông qua hình thức ký kết hợp đồng điện tử.

Xét quá trình thực hiện hợp đồng Công ty có chuyển tiền cho ông D là đúng sự thật cụ thể Công ty T đã tiến hành giải ngân toàn bộ số tiền vay cho ông Đặng Văn D theo đúng quy định trong hợp đồng tín dụng, số tiền giải ngân được Công ty T chuyển khoản vào tài khoản do ông Đặng Văn D cung cấp tại Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 5357274, cụ thể như sau: Tên tài khoản: DANG VAN DIEN; Số tài khoản: 1807205032451 tại ngân hàng: Ngân hàng N2 (A); Số tiền giải ngân: 19.000.000 đồng. Nội dung: MRAR ASSET CHUYEN TIEN GN DANG VAN DIEN HD 5357274 chứng tỏ ông D là người nhận thụ hưởng số tiền trên.

Nhận thấy, nội dung của đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 5357274 ngày 07/03/2024 là sự thỏa thuận của các đương sự về số tiền vay, lãi suất vay, thời hạn vay, thời điểm trả nợ, phương thức trả nợ… phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 117, Điều 119 Bộ luật dân sự năm 2015 nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên, khi ký kết đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng người tham gia hợp đồng hoàn toàn tự nguyện, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Nguyên đơn đã làm đúng theo nội dung thỏa thuận của đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng là đã giải ngân số tiền cho vay và ông Đặng Văn D đã thực hiện thanh toán được 13 kỳ với tổng số tiền: 9.751.453 đồng cho nguyên đơn nhưng sau đó không tiếp tục thanh toán dẫn đến khoản nợ quá hạn, bị đơn vi phạm thời hạn thanh toán, nghĩa vụ trả nợ các khoản đã vay nên nguyên đơn đi khởi kiện. Bị đơn vắng mặt không trình bày ý kiến của mình là tự tước đi quyền trình bày tại phiên tòa. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông D có nghĩa vụ trả nợ gốc cho nguyên đơn là phù hợp nên chấp nhận.

[3] Xét về tiền lãi: Nguyên đơn vi phạm nghĩa vụ trả vốn gốc. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 91, Điều 94 Luật tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao nên chấp nhận vì mức lãi suất này các đương sự đã thỏa thuận theo đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng và mức lãi này phù hợp với quy định. Bản án sơ thẩm nhận định là phù hợp nên giữ nguyên.

[4] Xét khoản tiền lãi suất chậm trả tính trên lãi quá hạn chưa thanh toán với số tiền 410.418 đồng (Bốn trăm mười nghìn, bốn trăm mười tám đồng) thì Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ Điều 12 Nghị quyết số 01/2019/HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì một hành vi không được tính lãi

hai lần.Tuy nhiên, tại điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định: quy định: *"Trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi trên nợ gốc theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất giới hạn mà pháp luật quy định tương ứng với thời gian chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn".* Do ông D vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi trên nợ gốc, nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm trả lãi là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn là không đúng quy định.

[5] Xét kháng cáo của nguyên đơn: Nguyên đơn kháng cáo đối với số tiền lãi: 410.418 đồng là có căn cứ. Vì vậy, sửa một phần tiền lãi đối với yêu cầu này.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn ông Đặng Văn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 1.483.000 đồng (Một triệu, bốn trăm tám mươi ba nghìn đồng (làm tròn) .

Nguyên đơn được nhận lại số tiền đã nộp 625.000 đồng (Sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001682 ngày 20/02/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn được nhận lại 300.000 đồng theo biên lai thu số 0013177 ngày 29/6/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

[8] Xét đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228, Điều 235; Khoản 2, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 117, Điều 119, Điều 318, Điều 385, Điều 398, Điều 401 Bộ luật dân sự năm 2015.

Điều 91, Điều 94, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Điều 8, Điều 12, a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên án:

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Công ty T (Việt Nam).

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm (sửa phần tiền lãi).

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T (Việt Nam).

Buộc ông Đặng Văn D có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Công ty T (Việt Nam) số tiền tổng cộng 29.261.236 đồng (Hai mươi chín triệu, hai trăm sáu mươi mốt nghìn, hai trăm ba mươi sáu đồng). Trong đó, tiền gốc 20.463.000 đồng (Hai mươi triệu, bốn trăm sáu mươi ba nghìn đồng), lãi trong hạn 8.798.263 đồng (Tám triệu, bảy trăm chín mươi tám nghìn, hai trăm sáu mươi ba đồng) tạm tính đến ngày 14/04/2026.

Công ty T (Việt Nam) có quyền tính lãi tiếp tục theo đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 5357274 ngày 07/03/2024 giữa nguyên đơn, bị đơn đã ký từ ngày 15/04/2026 cho đến khi phía ông Đặng Văn D thanh toán xong nợ.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T (Việt Nam) về việc yêu cầu ông Đặng Văn D thanh toán tiền lãi chậm trả tính trên lãi quá hạn chưa thanh toán tạm tính đến ngày 14/04/2026 với số tiền 410.418 đồng (Bốn trăm mười nghìn, bốn trăm mười tám đồng)

2. Về án phí sơ thẩm: Bị đơn ông Đặng Văn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 1.483.000 đồng (Một triệu, bốn trăm tám mươi ba nghìn đồng (làm tròn) .

Nguyên đơn được nhận lại số tiền đã nộp 625.000 đồng (Sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001682 ngày 20/02/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn được nhận lại 300.000 đồng theo biên lai thu số 0013177 ngày 29/6/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- Tòa án Khu vực 3 - Cần Thơ;
- Phòng THADS Khu vực 3 - Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Văn Hải